

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI
Số: 104/2020-SCI/CBTT
Vv: CBTT Báo cáo tài chính hợp nhất Quy3/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----
Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên đơn vị : **CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**

Trụ sở chính : Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại : 024. 3768 4495

Fax : 024. 3768 4490

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phan Dương Mạnh

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại : 024. 3768 4495

Fax : 024. 3768 4490

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính hợp nhất Quy 03 năm 2020

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn:

<http://www.scigroup.vn/vi/cong-bo-thong-tin.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

-Như trên

-HĐQT (b/c)

-VT;HCNS

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



The stamp is a red circular seal. The outer ring contains the text 'M.S.D.N: 0101405355-C.T.C.B' at the top and 'NAM TỪ LIÊM - T.P HÀ NỘI' at the bottom. The center of the stamp contains the text 'CÔNG TY CỔ PHẦN SCI' in bold, with 'SCI' in a larger font size.

Phan Dương Mạnh

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	04-05
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	06-07
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	08-36

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2020	01/01/2020
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.310.658.144.660	1.039.436.718.341
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	117.631.258.358	109.099.626.864
1. Tiền	111		104.631.258.358	75.599.626.864
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.000.000.000	33.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	482.233.934.505	255.004.086.597
1. Chứng khoán kinh doanh	121		203.177.219.130	267.313.707.444
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(1.866.846.269)	(12.559.620.847)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		280.923.561.644	250.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.200.436.443.335	380.297.869.413
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	649.957.696.088	277.169.122.863
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		481.639.492.274	60.222.814.732
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	126.453.938.883	77.019.211.114
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(57.614.683.910)	(34.113.279.296)
IV. Hàng tồn kho	140	10	462.838.994.304	265.888.844.108
1. Hàng tồn kho	141		462.838.994.304	265.888.844.108
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		47.517.514.158	29.146.291.359
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	1.117.089.149	564.941.709
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		46.162.274.648	27.719.054.916
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	238.150.361	862.294.734
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.229.596.501.323	1.094.398.192.142
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.063.750.000	2.548.700.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	3.063.750.000	2.548.700.000
II. Tài sản cố định	220		886.833.056.647	907.350.339.275
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	853.542.045.985	879.847.819.696
- Nguyên giá	222		1.179.754.286.987	1.115.596.785.023
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(326.212.241.002)	(235.748.965.327)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	33.210.177.402	27.384.811.312
- Nguyên giá	225		48.501.652.182	31.683.615.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(15.291.474.780)	(4.298.804.506)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	80.833.260	117.708.267
- Nguyên giá	228		452.500.000	452.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(371.666.740)	(334.791.733)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	11	241.581.090.851	101.395.419.198
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		241.581.090.851	101.395.419.198
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	94.070.000.000	76.070.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		60.550.000.000	60.550.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		33.520.000.000	15.520.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.048.603.824	7.033.733.669
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	1.406.803.096	403.117.189
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	31.a	2.641.800.728	6.630.616.480
TONG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.540.254.645.983	2.133.834.910.483

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2020	01/01/2020
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.582.039.313.819	1.417.098.662.098
I. Nợ ngắn hạn	310		1.811.936.776.976	743.557.511.969
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	143.995.892.552	82.646.080.371
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	883.245.319.531	81.324.132.308
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	37.921.061.960	6.351.584.668
4. Phải trả người lao động	314		22.117.146.980	21.014.445.311
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	26.294.085.905	11.520.155.442
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	188.536.463.922	167.245.562.655
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	498.879.803.822	370.245.963.201
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		6.073.712.287	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.873.290.017	3.209.588.013
II. Nợ dài hạn	330		770.102.536.843	673.541.150.129
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	20	475.971.964	569.232.073
2. Phải trả dài hạn khác	337	21	56.815.000	7.556.815.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	725.691.899.767	660.186.741.956
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	31.b	4.616.278.268	3.878.361.100
5. Dự phòng phải trả dài hạn	342		39.261.571.844	1.350.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		958.215.332.164	716.736.248.385
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	958.215.332.164	716.736.248.385
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		524.267.230.000	428.292.770.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		524.267.230.000	428.292.770.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		821.616.000	982.166.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		12.705.000.000	12.705.000.000
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.567.626.463	11.567.626.463
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		189.702.430.977	74.239.531.799
- LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước	421a		90.262.555.964	51.906.781.342
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		99.439.875.014	22.332.750.457
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		219.151.428.724	188.949.154.123
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		3.540.254.645.983	2.133.834.910.483

Nguyễn Thanh Huyền

Nguyễn Thanh Huyền
Người lập

Phan Dương Mạnh

Phan Dương Mạnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Phúc

Nguyễn Văn Phúc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, toà nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

Báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III-2020		Quý III-2019		Lũy kế đến Quý III năm 2020	Lũy kế đến Quý III năm 2019
			VND	VND	VND	VND		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	229.670.953.010	208.969.684.641	760.754.809.046	1.168.525.467.805		
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	26	229.670.953.010	208.969.684.641	760.754.809.046	1.168.525.467.805		
4. Giá vốn hàng bán	11	26	164.752.430.064	183.708.602.690	426.217.110.615	1.021.002.536.214		
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		64.918.522.947	25.261.081.951	334.537.698.432	147.522.931.591		
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	14.400.576.350	7.015.703.647	22.700.679.123	17.180.645.947		
7. Chi phí tài chính	22	28	12.204.906.362	21.885.230.769	120.091.554.828	62.568.860.122		
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		24.453.319.667	21.318.844.672	73.385.679.330	57.196.698.162		
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	24.890.250.505	3.491.156.191	71.596.529.679	30.826.778.945		
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		42.223.942.430	6.900.398.638	165.550.293.048	71.307.938.471		
12. Thu nhập khác	31		3.452.510.772	713.444.871	4.672.485.745	1.412.298.064		
13. Chi phí khác	32		3.099.050.330	1.049.210.986	3.979.108.065	3.075.523.504		
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		353.460.442	(335.766.115)	693.377.680	(1.663.225.440)		
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		42.577.402.872	6.564.632.523	166.243.670.728	69.644.713.031		
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	9.423.553.777	1.283.510.191	30.740.747.750	14.134.437.296		
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	31.c	(251.258.293)	2.443.869.738	5.134.686.513	4.210.935.242		

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	33.405.107.388	2.837.252.594	130.368.236.465	51.299.340.493
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61	28.748.744.385	3.800.137.779	99.439.875.014	38.298.797.219
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62	4.656.363.003	(962.885.185)	30.928.361.451	13.000.543.274
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32		1.897	894



Nguyễn Thanh Huyền

Phan Dương Mạnh

Nguyễn Thanh Huyền
Người lập

Phan Dương Mạnh
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Phúc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

MÃ SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế đến Quý III	Lũy kế đến Quý III
			năm 2020	năm 2019
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		166.243.670.728	69.644.713.031
6. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		112.164.958.329	90.772.340.223
- Các khoản dự phòng	03		56.793.914.165	5.836.075.380
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		477.190.488	1.487.849.283
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		31.998.317.402	(10.776.797.981)
- Chi phí lãi vay	06		73.385.679.330	57.196.698.162
13 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		441.063.730.442	214.160.878.098
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(847.670.842.325)	47.503.015.024
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(196.950.150.196)	45.095.424.695
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		896.518.421.267	(370.661.799.003)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.555.833.347)	476.009.439
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		64.136.488.314	(26.981.951.252)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(73.012.612.020)	(56.449.828.692)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.767.833.180)	(18.003.996.178)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		279.761.368.954	(164.862.247.869)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(258.718.650.899)	(149.722.809.959)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		800.386.192	24.211.460.457
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(318.673.561.644)	(96.520.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.000.000.000	211.703.571.540
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.601.936.812	18.584.094.779
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(567.989.889.539)	8.256.316.817
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		95.974.460.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		950.027.292.412	807.587.740.990
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(740.740.482.333)	(628.899.455.113)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(8.501.118.000)	(782.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		296.760.152.079	177.905.685.877

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế đến Quý III	Lũy kế đến Quý III
			năm 2020	năm 2019
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		8.531.631.494	21.299.754.825
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		109.099.626.864	97.293.471.047
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	<u>117.631.258.358</u>	<u>118.593.225.872</u>



Nguyễn Thanh Huyền
Người lập



Phan Dương Mạnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Phúc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần SCI (tiền thân là Công ty Cổ phần Sông Đà 909) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101405355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười sáu ngày 03 tháng 06 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 524.267.230.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 09 năm 2020 là 524.267.230.000 đồng; tương đương 52.426.723 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Thi công xây lắp và cung cấp các dịch vụ cho thuê máy móc xây dựng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện, quản lý vận hành nhà máy thủy điện, bán điện;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng các công trình dân dụng khác: Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, xây dựng thủy điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình thoát nước, gia công lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực.

Cấu trúc Tập đoàn**Tổng số công ty con:**

- Số lượng công ty con được hợp nhất: 05 Công ty.
- Số lượng công ty con không được hợp nhất: 0 Công ty.

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/09/2020 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần SCI E&C	Hà nội	60,50%	60,50%	Chế tạo, lắp đặt cơ khí, xây dựng công trình và hạ tầng
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Nghệ An	51,00%	51,00%	Xây dựng thủy điện
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Hà nội	65,00%	96,00%	Tư vấn thiết kế
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Lai Châu	99,99%	99,99%	Xây dựng thủy điện

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2 . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Các khoản đầu tư tài chính*****Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh, căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể Đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ. [Áp dụng đối với doanh nghiệp xây

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm
- Tài sản cố định khác	20	năm

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó:

- Máy móc, thiết bị	06	năm
---------------------	----	-----

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Phần mềm máy vi tính

Nguyên giá TSCĐ của các chương trình phần mềm được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng và dựa trên thời gian sử dụng hữu ích.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi năm tài chính được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Doanh thu*****Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.
- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm Khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/09/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tiền mặt	6.758.218.526	8.695.505.342
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	97.873.039.832	66.904.121.522
Các khoản tương đương tiền	13.000.000.000	33.500.000.000
	<u>117.631.258.358</u>	<u>109.099.626.864</u>

Tại 30/09/2020, các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có giá trị 10.000.000.000 đồng với lãi suất 3,8%/năm; tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng có giá trị 3.000.000.000 VND được gửi tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh Tp HCM với lãi suất từ 4,6%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/09/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND
Đầu tư ngắn hạn	280.923.561.644	280.923.561.644	250.000.000	250.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	1.380.000.000	1.380.000.000	250.000.000	250.000.000
Trái phiếu	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
Các khoản đầu tư khác	278.543.561.644	278.543.561.644	-	-
Đầu tư dài hạn	33.520.000.000	33.520.000.000	15.520.000.000	15.520.000.000
Trái phiếu (*)	33.520.000.000	33.520.000.000	15.520.000.000	15.520.000.000
	314.443.561.644	314.443.561.644	15.770.000.000	15.770.000.000

b) Chứng khoán kinh doanh

	30/09/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tổng giá trị cổ phiếu	203.177.219.130	239.476.772.241	267.313.707.444	(12.559.620.847)
GEX	152.658.183.879	188.421.607.600	262.239.642.068	(9.265.869.068)
SDA	2.963.994.800	1.646.663.500	2.963.994.800	(1.819.997.000)
VGC	39.162.570.507	40.042.250.000	-	-
MHC	7.758.009.375	9.280.000.000	-	-
VTX	-	-	1.475.610.000	(865.691.200)
Cổ phiếu khác	634.460.569	86.251.141	634.460.576	(608.063.579)
	203.177.219.130	239.476.772.241	267.313.707.444	(12.559.620.847)
			254.754.086.597	(12.559.620.847)

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/09/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào đơn vị khác	60.550.000.000	60.550.000.000	60.550.000.000	60.550.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà	550.000.000	550.000.000	550.000.000	550.000.000
Công ty Cổ phần hạ tầng và phát triển đô thị Fecon	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Quỹ đầu tư, khám phá giá trị Ngân hàng Công thương Việt Nam (*)	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
	60.550.000.000	60.550.000.000	60.550.000.000	60.550.000.000

Đầu tư vào đơn vị khác

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác của Công ty vào ngày 30/06/2020 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần hạ tầng và phát triển đô thị Fecon	Hà Nội	14,29%	14,29%	Phát triển thi công các dự án hạ tầng, giao
Quỹ đầu tư, khám phá giá trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (*)	Hà Nội	30,00%	30,00%	Đầu tư tài chính

(*) Theo biên bản thỏa thuận góp vốn ngày 03/09/2015 về việc thành lập Quỹ đầu tư, khám phá giá trị ngân hàng Công thương Việt Nam giữa các bên là Công ty Cổ phần SCI, Công

- Thời gian hoạt động của quỹ: 05

- Tổng vốn góp: 100 tỷ đồng;

- Vốn góp cam kết của SCI: 30 tỷ

- Lĩnh vực đầu tư: Cổ phiếu chưa niêm yết, các cổ phiếu chưa niêm yết, các doanh nghiệp IPO, các doanh nghiệp thoái vốn Nhà nước, trở thành cổ đông lớn trong các doanh nghiệp đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Liên danh CMC/ITD/Sông Đà	85.906.854.178	110.715.691.924
Ban điều hành dự án thủy điện Sơn La	16.020.552.948	16.020.552.948
Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	4.858.120.349	4.858.120.349
Công ty Nam sam 3 power company limited	261.944.672.622	-
Văn phòng đại diện Tổng Công ty Sông Đà, Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	6.701.919.101	6.395.646.624
Chi nhánh Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	50.268.408.184	47.952.239.722
Công ty TNHH MTV năng lượng GELEX Ninh Thuận	1.230.542.536	42.230.542.536
Công ty TNHH Xây dựng, Thủy lợi Cầu & Đường Phongsuathavy	-	646.904.200
Công ty TNHH MTV Năng lượng Gelex	12.360.112.560	1.350.000.000
Công ty TNHH Điện gió Hướng Phùng	143.704.756.262	-
Phải thu khách hàng khác	66.961.757.348	46.999.424.560
	649.957.696.088	277.169.122.863

8 . PHẢI THU KHÁC

	30/09/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu ngắn hạn khác				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	39.349.600	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.053.503.232	-	428.912.274	-
Phải thu người lao động	1.832.035.432	-	933.704.188	-
Phải thu về KPCĐ	6.451.250	-	6.451.250	-
Phải thu về BHXH	25.964.824	-	31.310.540	-
Phải thu về BHTN	961.274	-	1.120.920	-
Tạm ứng	32.487.893.662	-	27.141.095.787	-
Ký cược, ký quỹ	36.000.000	-	26.000.000	-
Vật tư ứng cho thầu phụ	3.970.937.849	-	1.095.303	-
Phải thu tiền điện, thuế tài nguyên nước và dịch vụ môi trường rừng	9.147.827.923	-	11.389.829.057	-
Công ty Cổ phần chứng khoán IB	1.582.420.762	-	-	-
Thuế GTGT của TSCĐ thuê tài chính	3.377.264.353	-	3.228.663.636	-
Phải thu khác	62.932.678.322	(4.939.698.164)	33.791.678.559	(4.939.698.164)
	126.453.938.883	(4.939.698.164)	77.019.211.114	(4.939.698.164)
b) Phải thu dài hạn khác				
Ký cược, ký quỹ	3.063.750.000	-	2.548.700.000	-
	3.063.750.000	-	2.548.700.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9 . NỢ XẤU

	30/09/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	104.802.683.920	47.188.000.010	40.005.450.341	5.892.171.045
<i>Ban điều hành Dự án thủy điện Sơn La</i>	16.020.552.948	3.377.659.885	16.020.552.948	3.377.659.885
<i>Công ty CP Xây lắp và phát triển Thành Nam</i>	6.248.083.094	-	6.248.083.094	-
<i>Công ty CP Xây dựng Dịch vụ và Thương mại 68</i>	3.425.189.422	-	3.425.189.422	-
<i>Tổng Công ty Xây dựng Công trình giao thông 8 - CTCP</i>	2.318.078.250	695.423.475	-	-
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 9</i>	7.589.191.360	3.387.407.316	-	-
<i>Đối tượng khác</i>	69.201.588.846	39.727.509.334	14.311.624.877	2.514.511.160
	104.802.683.920	47.188.000.010	40.005.450.341	5.892.171.045

10 . HÀNG TỒN KHO

	30/09/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	105.908.664.919	-	34.527.873.067	-
Công cụ, dụng cụ	2.393.409.677	-	1.786.526.954	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	354.536.919.708	-	229.574.444.087	-
	462.838.994.304	-	265.888.844.108	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	203.335.420.035	90.407.110.107
Dự án Nhà máy Thủy điện Mường Luân, Điện Biên	-	5.445.110.077
Dự án Nhà máy Thủy điện Ca Nan	1.002.850.909	918.697.471
Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Xe	13.010.463.707	9.866.883.779
Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Lum 1	6.004.619.368	2.889.167.096
Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Lum 2	168.819.312.171	57.415.021.153
Chi phí quản lý dự án chưa phân bổ	11.770.901.152	11.770.901.152
Dự án điện gió Quảng Trị	2.727.272.728	2.101.329.379
Mua sắm tài sản cố định	38.245.670.816	10.988.309.091
Mua sắm tài sản cố định mới	38.245.670.816	10.988.309.091
	241.581.090.851	101.395.419.198

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Tại ngày 01/01/2020	510.876.422.870	446.300.124.511	157.241.197.998	1.043.039.644	136.000.000	1.115.596.785.023						
Mua sắm	-	66.563.361.434	8.219.322.728	725.083.165	-	75.507.767.327						
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(11.040.071.727)	(310.193.636)	-	(11.350.265.363)						
Phân loại lại	-	3.075.022.729	(3.075.022.729)	-	-	-						
Tại ngày 30/09/2020	510.876.422.870	515.938.508.674	151.345.426.270	1.457.929.173	136.000.000	1.179.754.286.987						
Giá trị hao mòn lũy kế												
Tại ngày 01/01/2020	37.435.276.875	130.434.033.976	66.994.900.430	825.820.730	58.933.316	235.748.965.327						
Trích khấu hao	26.841.319.497	51.013.341.000	23.006.239.851	233.712.712	40.799.988	101.135.413.048						
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(10.645.392.525)	(26.744.848)	-	(10.672.137.373)						
Phân loại lại	-	(1.466.150.872)	1.466.150.872	-	-	-						
Tại ngày 30/09/2020	64.276.596.372	179.981.224.104	80.821.898.628	1.032.788.594	99.733.304	326.212.241.002						
Giá trị còn lại												
Tại ngày 01/01/2020	473.441.145.995	315.866.090.535	90.246.297.568	217.218.914	77.066.684	879.847.819.696						
Tại ngày 30/09/2020	446.599.826.498	335.957.284.570	70.523.527.642	425.140.579	36.266.696	853.542.045.985						

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2020	30.910.000.000	773.615.818	31.683.615.818
<i>Thuê tài chính</i>	<i>16.279.090.910</i>	<i>538.945.454</i>	<i>16.818.036.364</i>
Tại ngày 30/09/2020	47.189.090.910	1.312.561.272	48.501.652.182
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2020	4.266.570.510	32.233.996	4.298.804.506
<i>Trích khấu hao</i>	<i>10.819.124.652</i>	<i>173.545.622</i>	<i>10.992.670.274</i>
Tại ngày 30/09/2020	15.085.695.162	205.779.618	15.291.474.780
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2020	26.643.429.490	741.381.822	27.384.811.312
Tại ngày 30/09/2020	32.103.395.748	1.106.781.654	33.210.177.402

14 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Nhãn hiệu, thương hiệu VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2020	250.000.000	202.500.000	452.500.000
Tại ngày 30/09/2020	250.000.000	202.500.000	452.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2020	178.125.057	156.666.676	334.791.733
<i>Trích khấu hao</i>	<i>9.375.003</i>	<i>27.500.004</i>	<i>36.875.007</i>
Tại ngày 30/09/2020	187.500.060	184.166.680	371.666.740
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2020	71.874.943	45.833.324	117.708.267
Tại ngày 30/09/2020	62.499.940	18.333.320	80.833.260

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/09/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	698.225.212	314.463.491
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	418.863.937	250.478.218
	1.117.089.149	564.941.709
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.343.799.118	114.174.879
Chi phí trả trước dài hạn khác	63.003.978	288.942.310
	1.406.803.096	403.117.189

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16 . PHẢI NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/09/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần DVC Việt Nam	10.111.509.556	10.111.509.556	2.257.450.231	2.257.450.231
Công ty TNHH Đại Minh	4.498.365.282	4.498.365.282	4.973.835.282	4.973.835.282
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ D.N.T	7.933.421.707	7.933.421.707	7.933.421.707	7.933.421.707
Voith Hydro Private Limited	430.913.141	430.913.141	814.488.690	814.488.690
Furukawa Rock Drill Co.,ltd	10.516.276.000	10.516.276.000	15.601.617.000	15.601.617.000
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Thương mại Thành Vinh	1.137.085.940	1.137.085.940	1.937.085.940	1.937.085.940
Công ty Cổ phần TSQ Việt Nam	1.525.741.200	1.525.741.200	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Sơn Hải	9.723.394.655	9.723.394.655	3.366.848.136	3.366.848.136
Zambo Industrial Limited	7.008.000.000	7.008.000.000	-	-
Petrovietnam Oil Lao Petroleum Domestic Trading Sole Co., Ltd	7.529.155.497	7.529.155.497	596.212.817	596.212.817
Somvanchaleua PetroLeum Jelly.Co.Ltd	4.644.656.521	4.644.656.521	-	-
Công ty TNHH Thiết bị Đầu tư Bình Minh	4.704.903.233	4.704.903.233	22.330.000	22.330.000
Các khoản phải trả khác	74.232.469.820	74.232.469.820	45.142.790.568	45.142.790.568
	143.995.892.552	143.995.892.552	82.646.080.371	82.646.080.371

17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nam Sam 3 Power Company Limited	59.208.266.153	46.275.696.105
Chi nhánh Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	13.588.401.399	15.788.116.612
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	6.182.280.540	6.182.280.540
Công ty Cổ phần ECOBA Việt Nam	4.651.862.573	4.651.862.573
Công ty TNHH MTV Thủy điện Miền Đồi	350.000.000	350.000.000
Công ty TNHH Điện gió Hướng Phùng	444.814.083.500	1.787.495.328
Công ty cổ phần Năng lượng Gelex Quảng Trị	259.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 7	27.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 8	66.800.000.000	-
Các đối tượng khác	850.425.366	6.288.681.150
	883.245.319.531	81.324.132.308

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	2.116.870.754	22.330.981.921	18.472.580.731	79.330.590	6.054.602.534
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	66.107.563	66.107.563	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	795.845.540	2.606.413.194	30.757.663.321	2.767.833.180	-	29.800.397.795
Thuế Thu nhập cá nhân	25.114.139	537.025.051	2.062.989.340	2.356.331.181	117.484.716	336.053.787
Thuế Tài nguyên	-	924.701.646	4.081.135.269	3.661.003.758	-	1.344.833.157
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	41.335.055	-	-	-	41.335.055	-
Các loại thuế khác	-	5.190.507	5.000.000	5.000.000	-	5.190.507
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	161.383.516	3.242.934.158	3.024.333.494	-	379.984.180
	862.294.734	6.351.584.668	62.546.811.572	30.353.189.907	238.150.361	37.921.061.960

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.250.576.240	1.877.508.930
Trích trước chi phí các công trình, dự án	24.043.509.665	9.352.457.191
Chi phí phải trả khác	-	290.189.321
	26.294.085.905	11.520.155.442

20 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chênh lệch giá trị còn lại và giá thuê tài sản cố định thuê tài chính	475.971.964	569.232.073
	475.971.964	569.232.073

21 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	1.089.498.929	869.082.211
Bảo hiểm xã hội	98.627.760	14.079.155
Bảo hiểm thất nghiệp	31.359.600	43.339.750
Thù lao Hội đồng quản trị và BKS	329.276.808	-
Liên danh chủ đầu tư công trình Namtheon (JV)	20.933.940.448	20.130.335.326
Phải trả vật tư tạm nhập trong kỳ	204.689.001	328.599.001
Phải trả nhân công đội xây dựng	31.149.833.930	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán HSC	35.549.170.750	27.101.284.663
Công ty Cổ phần chứng khoán Bản Việt	44.054.683.789	49.782.538.405
Công ty Cổ phần chứng khoán Tân Việt	40.466.478.588	61.918.347.746
Công ty Cổ phần chứng khoán VPS	5.506.507.393	-
Phải trả tiền thỏa thuận hợp tác đầu tư	4.500.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.622.396.926	7.057.956.398
	188.536.463.922	167.245.562.655
b) Phải trả dài hạn khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	56.815.000	56.815.000
Phải trả về hợp tác đầu tư	-	7.500.000.000
	56.815.000	7.556.815.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2020		Trong kỳ		30/09/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	319.884.813.820	319.884.813.820	801.206.658.371	705.360.712.404	415.730.759.787	415.730.759.787
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	41.873.624.381	41.873.624.381	66.385.332.083	35.379.769.929	72.879.186.535	72.879.186.535
Nợ thuế tài chính ngắn hạn	8.487.525.000	8.487.525.000	10.283.450.500	8.501.118.000	10.269.857.500	10.269.857.500
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	-	-
	370.245.963.201	370.245.963.201	877.875.440.954	749.241.600.333	498.879.803.822	498.879.803.822
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn						
Vay dài hạn	675.032.591.337	675.032.591.337	139.186.794.041	42.026.463.576	772.192.921.802	772.192.921.802
Nợ thuế tài chính dài hạn	35.515.300.000	35.515.300.000	9.633.840.000	8.501.118.000	36.648.022.000	36.648.022.000
	710.547.891.337	710.547.891.337	148.820.634.041	50.527.581.576	808.840.943.802	808.840.943.802
Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	50.361.149.381	50.361.149.381	76.668.782.583	43.880.887.929	83.149.044.035	83.149.044.035
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	660.186.741.956	660.186.741.956			725.691.899.767	725.691.899.767

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

	Loại tiền	Hình thức đảm bảo	30/09/2020	01/01/2020
	VND		VND	VND
Khoản vay ngắn hạn của Công ty CP SCI				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đông Anh	VND	Tài sản đảm bảo	-	795.000.000
Vay ngắn hạn cá nhân	VND	Tín chấp	9.000.000.000	-
Khoản vay ngắn hạn của Công ty CP SCI E&C				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	VND	Tài sản đảm bảo	411.897.406.089	297.967.012.626
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đông Anh	VND	Tài sản đảm bảo	32.621.340.233	31.343.731.928
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	VND	Tài sản đảm bảo	120.000.000	-
Vay ngắn hạn cá nhân	VND	Tín chấp	10.000.000.000	11.315.000.000
Nợ thuê tài chính ngắn hạn của Công ty CP SCI E&C				
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-SUMI TRUST - CN Hà Nội	VND	Tài sản đảm bảo	9.915.737.500	8.487.525.000
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	Tài sản đảm bảo	354.120.000	-
Khoản vay dài hạn đến hạn trả của Công ty TNHH SCI Nghệ An				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh HCM	VND	Tài sản đảm bảo	24.820.000.000	20.337.693.647
Khoản vay ngắn hạn của Công ty SCI Tư vấn				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đông Anh	VND	Tài sản đảm bảo	151.200.000	-
			498.879.803.822	370.245.963.201

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Hình thức đảm bảo	30/09/2020	01/01/2020
			VND	VND
Khoản vay dài hạn của Công ty CP SCI E&C				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	VND	Tài sản đảm bảo	59.501.355.763	31.824.997.619
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đông Anh	VND	Tài sản đảm bảo	4.659.755.000	7.764.028.135
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	VND	Tài sản đảm bảo	1.360.766.300	915.766.300
Nợ thuế tài chính ngắn hạn của Công ty CP SCI E&C				
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-SUMI TRUST - CN Hà Nội	VND	Tài sản đảm bảo	24.232.662.500	27.027.775.000
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	Tài sản đảm bảo	2.145.502.000	-
Khoản vay dài hạn của Công ty CP SCI Lai Châu				
Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	VND	Tài sản đảm bảo	154.209.269.352	95.756.586.050
Khoản vay dài hạn của Công ty TNHH SCI Nghệ An				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh HCM	VND	Tài sản đảm bảo	479.017.588.852	496.897.588.852
Khoản vay dài hạn của Công ty SCI Tư vấn				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đông Anh	VND	Tài sản đảm bảo	565.000.000	-
			725.691.899.767	660.186.741.956

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Năm 2019							
Tại ngày 01/01/2019	407.907.140.000	982.166.000	6.050.000.000	11.567.626.463	79.557.027.728	184.818.457.391	690.882.417.582
Tăng vốn trong năm trước	20.385.630.000	-	-	-	(20.385.630.000)	40.000.000	40.000.000
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	22.428.750.457	4.488.710.279	26.917.460.736
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(500.716.336)	(326.913.597)	(827.629.933)
Tạm ứng thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	(204.900.050)	(71.099.950)	(276.000.000)
Giảm khác	-	-	6.655.000.000	-	(6.655.000.000)	-	-
Tại ngày 31/12/2019	428.292.770.000	982.166.000	12.705.000.000	11.567.626.463	74.239.531.799	188.949.154.123	716.736.248.385
Lũy kế đến Quý III năm 2020							
Tại ngày 01/01/2020	428.292.770.000	982.166.000	12.705.000.000	11.567.626.463	74.239.531.799	188.949.154.123	716.736.248.385
Tăng vốn trong năm nay	95.974.460.000	(160.550.000)	-	-	-	-	95.813.910.000
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	-	99.439.875.014	30.928.361.451	130.368.236.465
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(1.017.734.904)	(664.467.100)	(1.682.202.004)
Tạm ứng thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	(118.380.250)	(61.619.750)	(180.000.000)
Tăng khác	-	-	-	-	17.159.139.319	-	17.159.139.319
Tại ngày 30/09/2020	524.267.230.000	821.616.000	12.705.000.000	11.567.626.463	189.702.430.977	219.151.428.724	958.215.332.164

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	30/09/2020	Tỷ lệ	01/01/2020
	(%)	VND	(%)	VND
Vốn góp của các cổ đông	100%	524.267.230.000	100%	428.292.770.000
	100%	524.267.230.000	100%	428.292.770.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Lũy kế đến Quý III năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	524.267.230.000	428.292.770.000
- Vốn góp đầu kỳ	428.292.770.000	407.907.140.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	95.974.460.000	20.385.630.000
- Vốn góp cuối kỳ	524.267.230.000	428.292.770.000

d) Cổ phiếu

	30/09/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	52.426.723	42.829.277
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	52.426.723	42.829.277
- Cổ phiếu phổ thông	52.426.723	42.829.277
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	52.426.723	42.829.277
- Cổ phiếu phổ thông	52.426.723	42.829.277
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	11.567.626.463	11.567.626.463
	11.567.626.463	11.567.626.463

24 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại**

	30/09/2020	01/01/2020
Đồng đô la Mỹ (USD)	19.741,54	26.304,52
Đồng KIP Lào (LAK)	4.939.187.478,00	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***25 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Lũy kế đến Quý III năm 2020	Lũy kế đến Quý III năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	98.892.230.376	90.521.414.699
Doanh thu hợp đồng xây dựng	661.862.578.670	1.078.004.053.106
- Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ	661.862.578.670	1.078.004.053.106
	760.754.809.046	1.168.525.467.805

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Lũy kế đến Quý III năm 2020	Lũy kế đến Quý III năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp	70.185.052.810	90.641.948.373
Giá vốn hợp đồng xây dựng	356.032.057.805	930.360.587.841
	426.217.110.615	1.021.002.536.214

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Lũy kế đến Quý III năm 2020	Lũy kế đến Quý III năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	13.187.178.170	12.516.853.525
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	804.858.802
Lãi bán các khoản đầu tư	5.163.600.519	483.367.991
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	4.349.900.434	3.375.565.629
	22.700.679.123	17.180.645.947

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Lũy kế đến Quý III năm 2020	Lũy kế đến Quý III năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	73.385.679.330	57.196.698.162
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	50.731.872.074	7.619.764.814
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	4.145.486.923	3.171.953.185
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	477.190.488	1.487.849.283
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(10.692.774.578)	(6.907.405.322)
Chi phí tài chính khác	2.044.100.591	-
	120.091.554.828	62.568.860.122

CÔNG TY CỔ PHẦN SCITầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Lũy kế đến Quý III năm 2020	Lũy kế đến Quý III năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	3.310.545.378	2.187.487.676
Chi phí nhân công	24.557.420.800	14.388.567.265
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.010.266.293	2.046.659.633
Thuế, phí, lệ phí	1.209.522.581	818.176.198
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	23.501.404.612	1.743.480.702
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.743.846.052	6.444.658.586
Chi phí khác bằng tiền	3.263.523.963	3.197.748.885
	71.596.529.679	30.826.778.945

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Lũy kế đến Quý III năm 2020	Lũy kế đến Quý III năm 2019
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30.740.747.750	14.134.437.296

31 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.641.800.728	6.630.616.480
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.641.800.728	6.630.616.480

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	4.616.278.268	3.878.361.100
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	4.616.278.268	3.878.361.100

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/09/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Lũy kế đến Quý III năm 2020	Lũy kế đến Quý III năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	99.439.875.014	38.298.797.219
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	99.439.875.014	38.298.797.219
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	52.426.723	42.839.818
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.897	894

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA).



Nguyễn Thanh Huyền
Người lập



Phan Dương Mạnh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Phúc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2020